

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 28.9.2021

TU LƯƠNG CHO HÀNH TRÌNH

Kinh Lương Thực (Pātheyyasuttam)

CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM ĐOẠN (S.i,44)

Cuộc sống là một hành trình. Có những câu hỏi luôn làm băn khoăn khách lữ. Làm sao để tư lương được bảo đảm cho đến điểm đến cuối cùng?. Tài sản không bị thất tán bằng phương cách nào?. Cái gì dẫn lối đưa đường? Vương vấp gì khiến tâm tư khó rũ bỏ? và cái gì đặt mình vào nguy hiểm như chim vương vấp sập?. Đức Phật trong cái nhìn của bậc giác ngộ đã có những lời dạy khiến chúng sanh bất ngờ. Niềm tin khiến tư lương được bảo đảm. Sự hưng vượng phải nhờ vào phúc phần. Có một điều phải đặt biệt nhận thức là sự ham muốn tận trong sâu thẳm. Có thể là tham cầu danh lợi hoặc thị dục huyễn ngã hay chạy theo những ảo mộng trong đời. Sự ham muốn đưa đẩy hướng đi; cũng chính ham muốn khiến đôi khi bị khổ mà không rời được để rồi mang thân phận như chim sa bẫy.



Kinh Văn

[Vị Thiên]

**“Kimsu bandhati pātheyyam, kimsu bhogānamāsayo;
Kimsu naram parikassati, kimsu lokasmi dujjaham;
Kismim baddhā puthū sattā, pāsena sakuṇi yathā”ti.**

-- Cái gì cột lương thực?

Cái gì hút tài sản?

Cái gì lôi cuốn người?

Ở đời, khó bỏ gì?

Cái gì buộc phạm nhân,

Như chim bị bẫy sập?

[Thế Tôn]

“Saddhā bandhati pātheyyaṃ, sirī bhogānamāsayo;
Icchā naraṃ parikassati, icchā lokasmi dujjahā;
Icchābaddhā puthū sattā, pāsenā sakuṇī yathā”ti.

-- Lòng tin cột lương thực,
Thần tài hút tài sản.
Lòng muốn lôi cuốn người,
Ở đời, muốn (icchā) khó bỏ.
Ham muốn buộc phạm nhân,
Như chim bị bẫy sập.
Bản hiệu đính:

[Vi Thiên]

*Cái gì gìn tư lương?
Cái gì giữ tài sản?
Gì đưa lối dẫn đường?
Cái gì khó từ bỏ?
Cái gì cột chân người?
Như chim bị dính bẫy?*

[Thế Tôn]

*Niềm tin gìn tư lương,
Phúc phần giữ tài sản,
Ham muốn đưa đẩy người,
Ham muốn vốn khó bỏ,
Ham muốn cột chân người,
Như chim vướng bẫy sập.*



pātheyya = tư lương, lương thực mang đi đường, thức ăn trong hành trang.

saddhā = niềm tin

bandhati = bó cột, làm cho bảo đảm.

sirī = vận may, phúc phần

bhogānamāsaya = chỗ giữ tài sản

Icchā naraṃ parikassati = sự ham muốn lôi kéo con người.

Icchā lokasmi dujjahā = sự ham muốn trong đời rất khó bỏ.

Icchābaddhā puthū sattā pāsena sakuṇī yathā’’ti = Phần đông chúng sanh cột trói với ham muốn như chim vương bẫy.



Thích nghĩa

Chữ sirī được dùng trong dân gian là thần tài, thần mang lại may mắn nhưng theo Phật pháp là phúc phần do thiện nghiệp đã tạo trong quá khứ.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng
-ooOoo-*

9. Pātheyyasuttaṃ [Mūla]

79. “Kiṃsu bandhati pātheyyaṃ, kiṃsu bhogānamāsayo;
Kiṃsu naraṃ parikassati, kiṃsu lokasmi dujjahaṃ;
Kismiṃ baddhā puthū sattā, pāsena sakuṇī yathā”’ti.

“Saddhā bandhati pātheyyaṃ, sirī bhogānamāsayo;
Icchā naraṃ parikassati, icchā lokasmi dujjahā;
Icchābaddhā puthū sattā, pāsena sakuṇī yathā”’ti.

9. Pātheyyasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

79. Navame **saddhā bandhati pātheyyanti** saddhaṃ uppādetvā dānaṃ deti, sīlaṃ rakkhati, uposathakammaṃ karoti, tenetaṃ vuttaṃ. **Sirī**ti issariyaṃ. **Āsayoti** vasanaṭṭhānaṃ. Issariye hi abhimukhībhūte thalatopi jalatopi bhogā āgacchantiyeva. Tenetaṃ vuttaṃ. **Parikassatī**ti parikaḍḍhati. Navamaṃ.